CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Công nghệ ONE

Ngày 31/12/2025	7,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	34.0%	**31.5%**	**36.5%**

DT thuần
Q4/25
219
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 59.0| 36.6%
YoY: ▼160| -42.3%

LN thuần
Q4/25
4.58
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.35| -7.2%
YoY: ▼3.53| -43.6%

LN sau thuế
Q4/25
1.10
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.76| -40.6%
YoY: ▼6.87| -86.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
1.8%
YoY: +/-▲ 0.7%

ROE
2025
3.3%
YoY: +/-▲ 2.1%

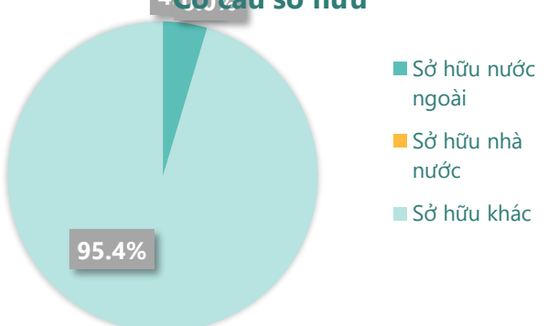
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,700 - 7,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	56
Số lượng CPLH (CP)	7,893,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	79,030
Sở hữu nước ngoài	4.6%
Beta	0.31
EPS	435
P/E	16.3

DT thuần
2025
482
tỷ VNĐ
YoY: ▼99.0| -16.9%

LN thuần
2025
10.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.39| 462%

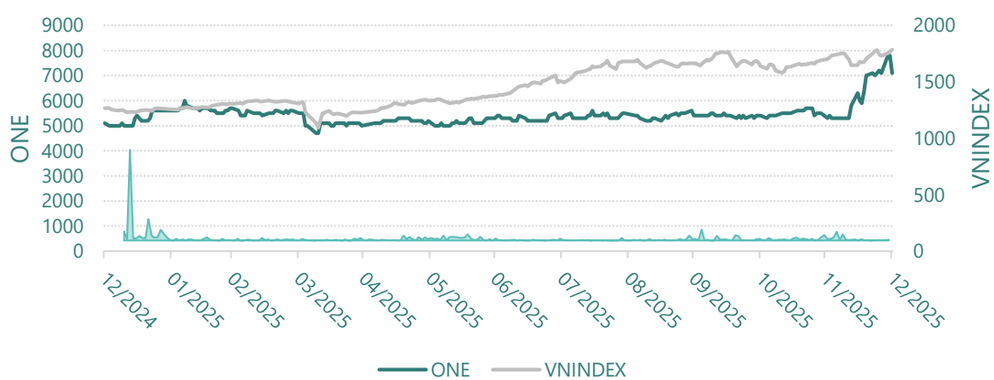
LN sau thuế
2025
3.44
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.16| 169%

Cơ cấu sở hữu

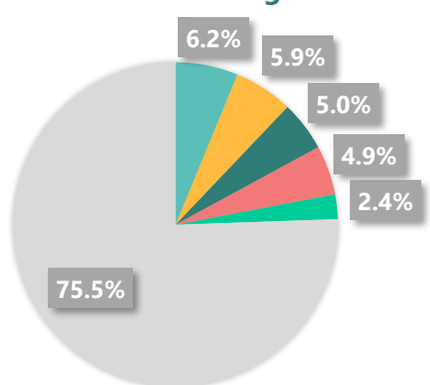


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

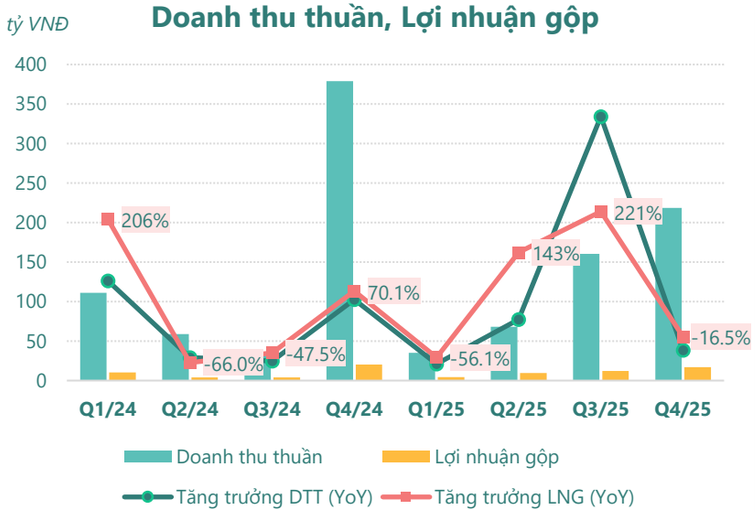


- Lê Hải Đoàn
- Đặng Anh Phương (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Duy Nguyên
- America LLC
- Đỗ Quỳnh Lan
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

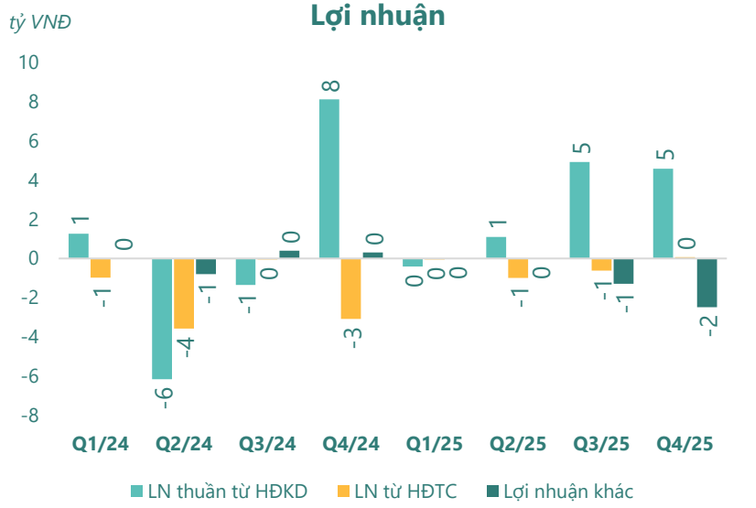
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



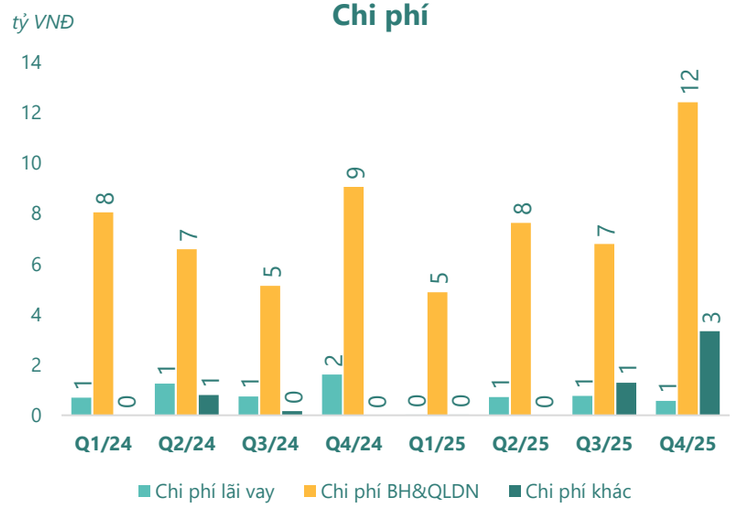
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



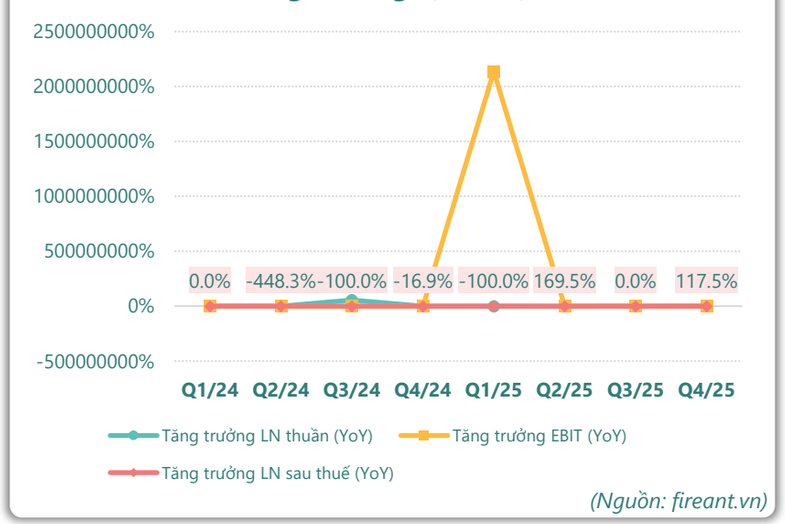
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



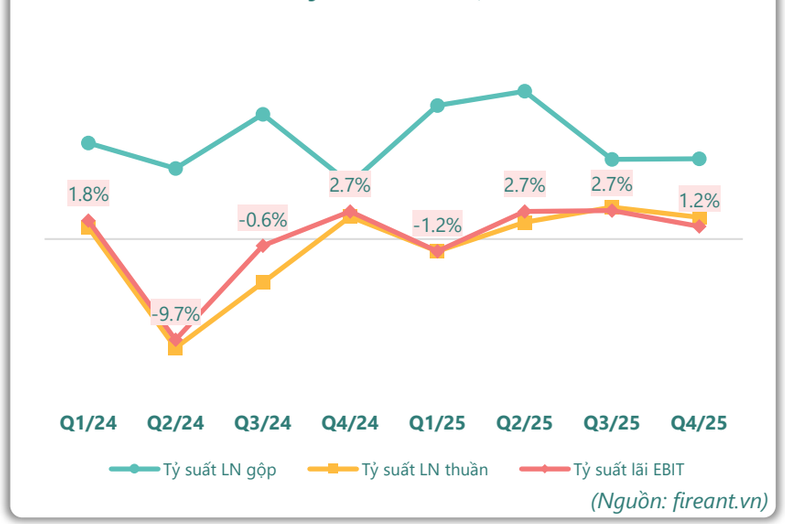
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



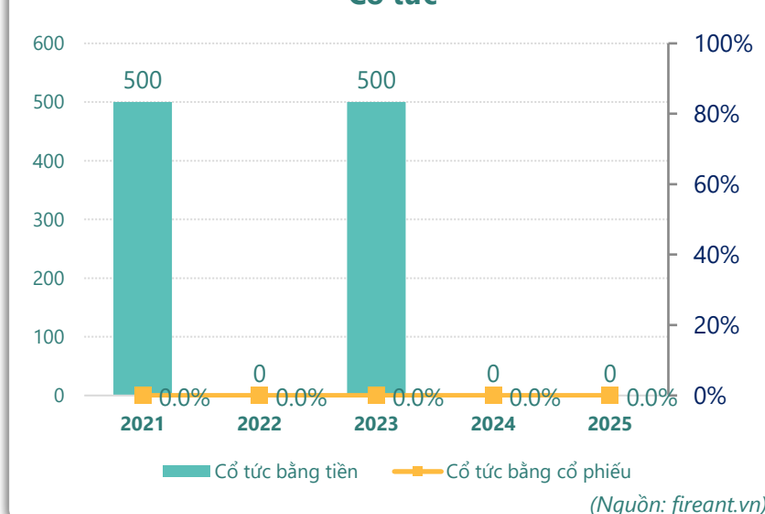
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

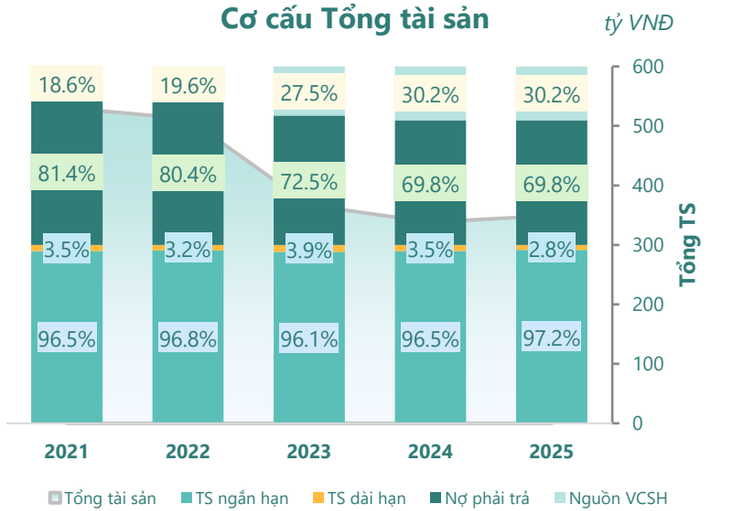
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

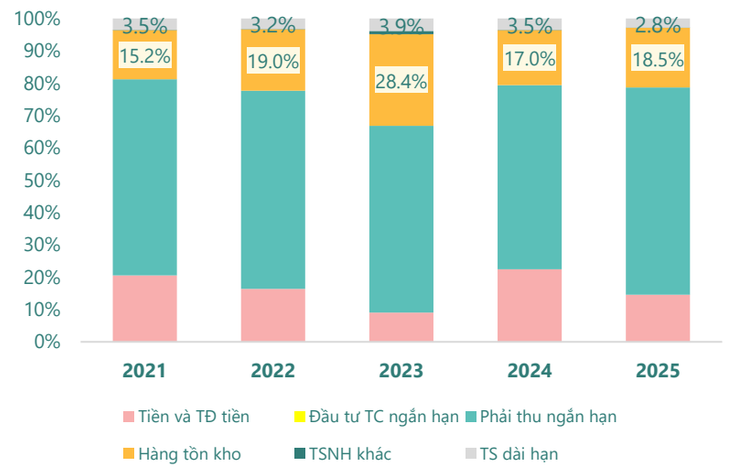
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



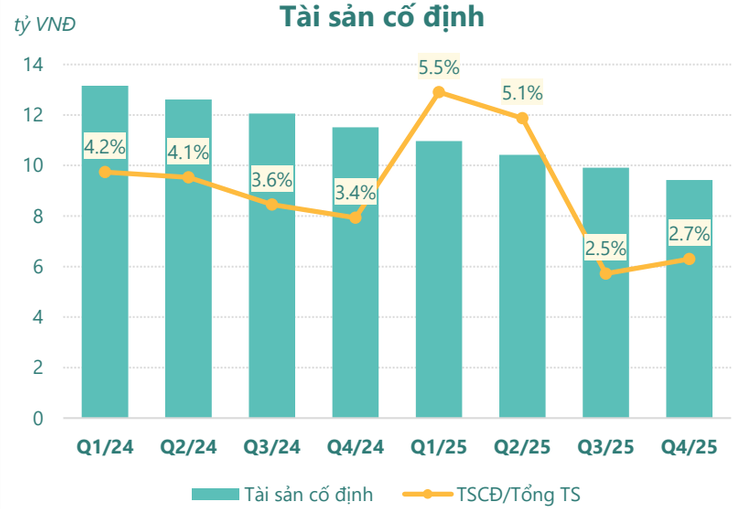
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



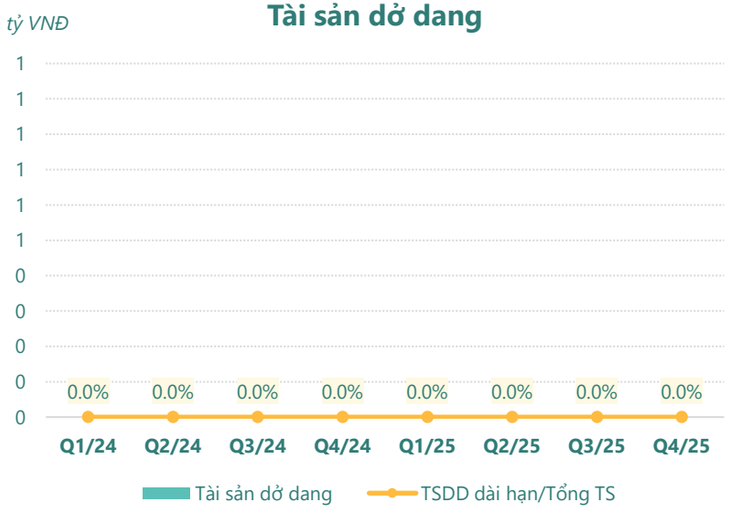
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



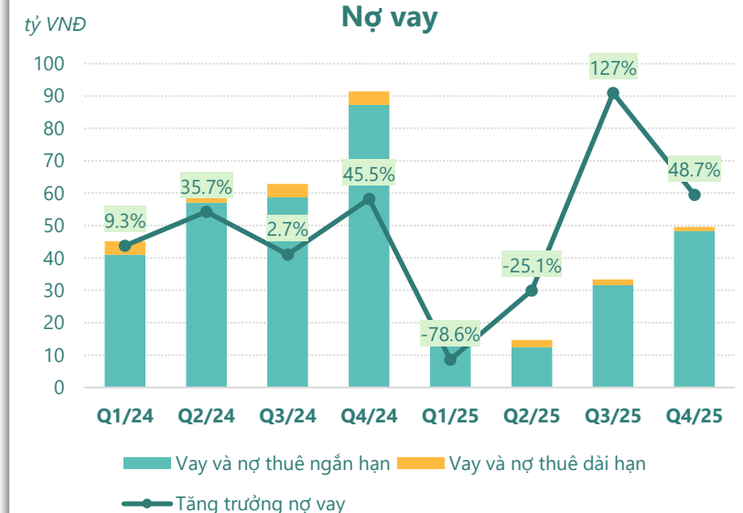
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

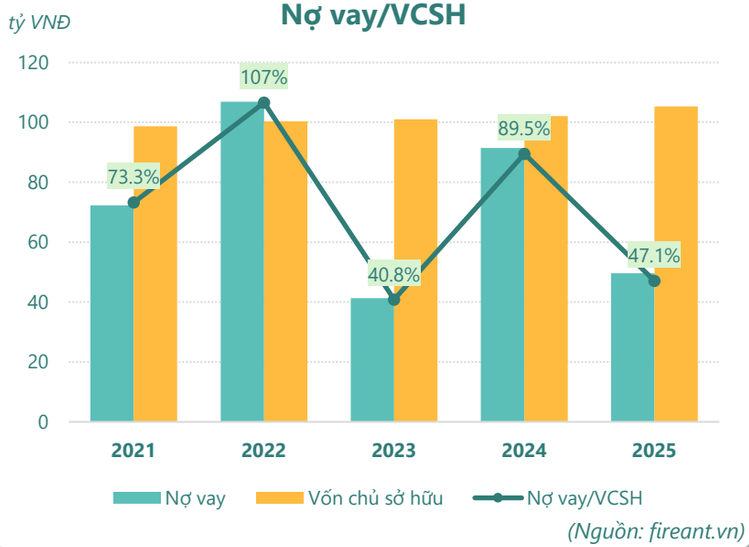
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

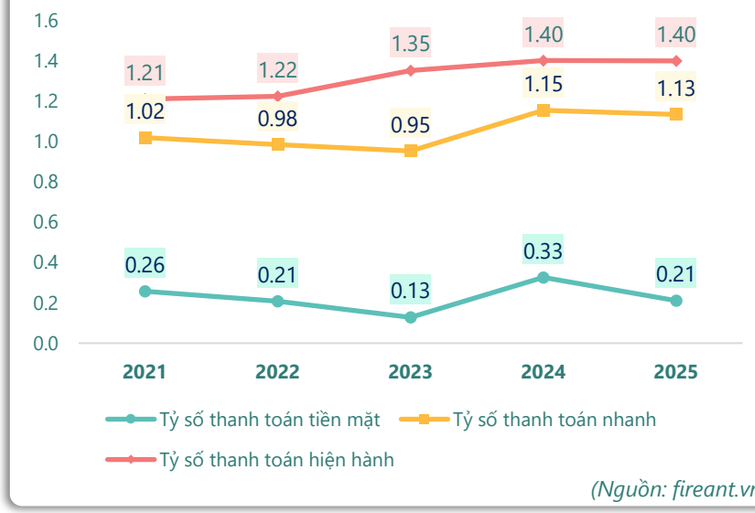
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



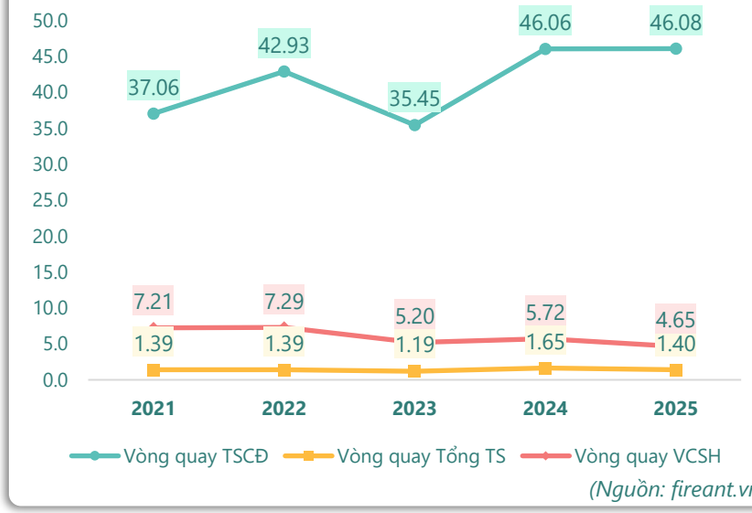
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



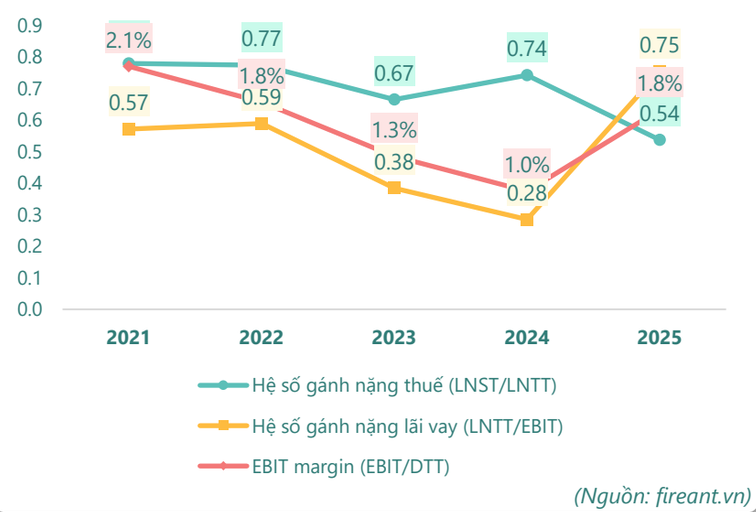
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



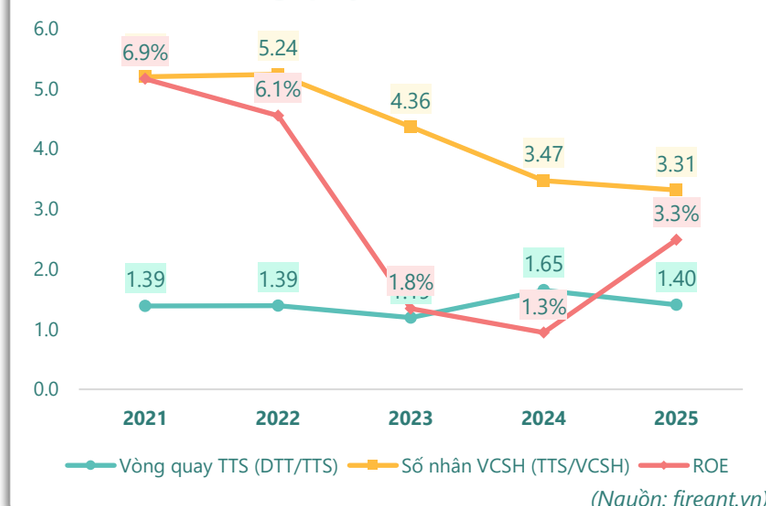
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



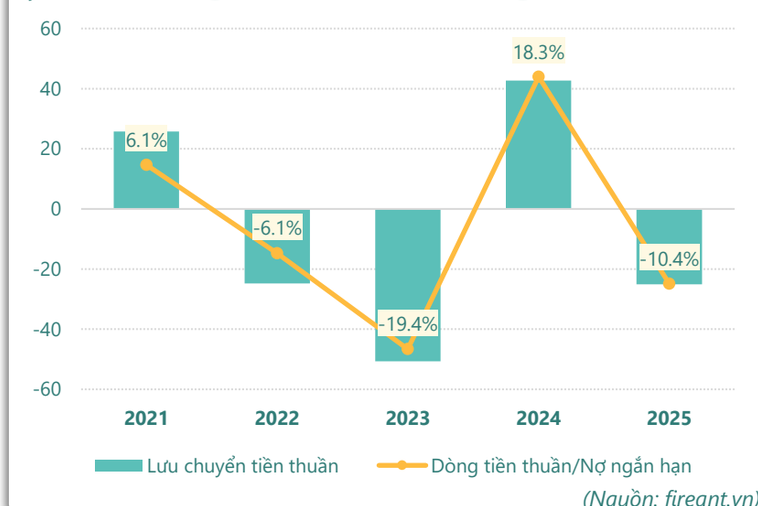
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**219**	**379**	**-42.3%**	**482**	**581**	**-16.9%**
Giá vốn hàng bán	202	359	-43.8%	439	544	-19.4%
Lợi nhuận gộp	16.9	20.3	-16.7%	43.5	36.3	19.8%
Doanh thu HĐTC	0.65	0.01	6369%	0.99	0.88	13.2%
Chi phí TC	0.57	3.10	-81.5%	2.57	8.57	-70.0%
Chi phí lãi vay	0.57	1.62	-64.7%	2.08	4.32	-51.8%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.18	0.38	474%	4.05	2.10	93.0%
Chi phí QLDN	**10.2**	**8.68**	**17.9%**	**27.7**	**24.7**	**12.0%**
LN thuần từ HĐKD	4.58	8.11	-43.6%	10.2	1.81	462%
Lợi nhuận khác	**-2.48**	**0.31**	**-899%**	**-3.80**	**-0.09**	**-4022%**
LN trước thuế	2.10	8.43	-75.1%	6.40	1.72	271%
Lợi nhuận sau thuế	**1.10**	**7.97**	**-86.1%**	**3.44**	**1.28**	**169%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.10**	**7.97**	**-86.1%**	**3.44**	**1.28**	**169%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	20.4	14.2	23.6	-1.02	24.4	-30.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	0	0.00	0.00	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1.64	28.6	-71.8	-4.93	18.7	16.2
Tiền đầu kỳ	11.1	33.2	76.0	27.7	21.8	64.9
Lưu chuyển tiền thuần	**22.1**	**42.8**	**-48.3**	**-5.95**	**43.1**	**-13.9**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	33.2	76.0	27.7	21.8	64.9	50.9

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**349**	**338**	**3.1%**
Tài sản ngắn hạn	339	327	3.9%
Tiền và tương đương tiền	50.9	76.0	-33.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	224	193	16.0%
Hàng tồn kho	64.5	57.6	12.0%
Tài sản ngắn hạn khác	0.50	0.49	2.5%
Tài sản dài hạn	**9.61**	**11.7**	**-18.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	9.42	11.5	-18.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.19**	**0.21**	**-11.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	244	236	3.1%
Nợ ngắn hạn	**242**	**233**	**4.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	48.3	88.2	-45.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	161	123	31.4%
Nợ dài hạn	1.27	3.19	-60.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	1.27	3.19	-60.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**105**	**102**	**3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**105**	**102**	**3.1%**
Vốn điều lệ	79.6	79.6	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)